

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/02/2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Lê Thị Kim Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Ánh N**, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: C13/B54 đường N, ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 63 Văn Cao, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Ngọc S**, sinh năm: 1973 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: C13/B54 đường N, ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay – nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh N trình bày: Bà và ông Huỳnh Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới, do mai mối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/01/1997. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, không lo cho gia đình và đánh đập bà, có lần ông S bóp cổ bà nên bà phải đến bệnh viện cấp cứu. Do mâu thuẫn nên năm 2002 bà dẫn con bỏ nhà đi đến năm 2006 thì quay về chung sống với ông S do thấy con còn nhỏ. Tuy nhiên, ông S vẫn không sửa đổi nên năm 2018, bà có nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh nhưng được Trung tâm hòa giải của Tòa án hòa giải đoàn tụ nên bà rút lại đơn khởi kiện đã nộp để cho ông S cơ hội nhưng sau khi bà rút đơn ông S vẫn ăn nhậu, bài bạc, thường xuyên chửi bới, đánh đập bà và còn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm gia đình bà. Bà và ông S đã sống ly thân từ ngày 08/4/2020 và bà đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 đã trưởng thành và Huỳnh Ngọc N (nam), sinh ngày: 14/5/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải - bị đơn ông Huỳnh Ngọc S trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Ánh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông nghỉ việc mùa dịch nên vợ chồng cãi nhau chứ ông không có chơi bài bạc, đánh đập bà N cũng như không có những lời lẽ xúc phạm gia đình bà N như bà N trình bày. Ông và bà N đã sống ly thân từ khoảng tháng 8/2020 cho đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N vì ông còn thương vợ, sức khỏe của vợ con ông không tốt, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để ông được chăm sóc cho vợ con.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 đã trưởng thành và Huỳnh Ngọc N (nam), sinh ngày: 14/5/2008. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì ông yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Ánh N đối với ông Huỳnh Ngọc S; Về con chung: giao trẻ Huỳnh Ngọc N (nam), sinh ngày: 14/5/2008 cho bà N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà N tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi trẻ N; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Ánh N nộp đơn xin ly hôn đối với ông Huỳnh Ngọc S. Ông Huỳnh Ngọc S hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Huỳnh Ngọc S đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ánh N với ông Huỳnh Ngọc S nhưng ông S chỉ đến Tòa án một lần và sau đó có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/1997 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ánh N

và ông Huỳnh Ngọc S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Trước Tòa hôm nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông S không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà N thì giữa bà và ông S có mâu thuẫn từ khi kết hôn cho đến nay do ông S không phụ giúp bà chăm lo, nuôi dạy con chung, ông S còn thường xuyên đánh đập bà dẫn đến bà phải nhập viện điều trị, điều đó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của bà. Còn ông S thì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau nhưng không quá trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ vì ông còn thương vợ con. Như vậy, theo lời trình bày của bà N và được sự thừa nhận của ông S thì đời sống chung của vợ chồng bà N, ông S là có xảy ra mâu thuẫn do luôn bất đồng quan điểm sống, điều này cho thấy ông bà chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng hoàn toàn không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình và cũng không thể nào nói chuyện thẳng thắn với nhau để tìm ra giải pháp hiệu quả cho việc duy trì quan hệ hôn nhân tốt đẹp, vì sự khác biệt về suy nghĩ và quan điểm sống. Mặt khác, ông S yêu cầu đoàn tụ với lý do còn thương vợ con, ông muốn con ông có cha có mẹ và việc học hành của con ông được tốt hơn nhưng ông S không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa bà N và ông S đã không còn tình cảm, đều không có thiện chí để đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông S hoàn toàn không có, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông S, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông S.

[5] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh N và ông Huỳnh Ngọc S có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 đã trưởng thành và Huỳnh Ngọc N (nam), sinh ngày: 14/5/2008. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ N, bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi trẻ N. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ N nếu cha mẹ không còn sống chung thì trẻ muốn sống với mẹ. Ông S đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 25/9/2020 và Biên bản hòa giải ngày

25/9/2020 thì ông S trình bày nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N. Xét thấy hiện nay trẻ N đang sống với mẹ, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của trẻ, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao trẻ Huỳnh Ngọc N (giới tính nam), sinh ngày: 14/5/2008 cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Riêng Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà N và ông S đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà N và ông S đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Ánh N đối với ông Huỳnh Ngọc S.

Bà Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/97 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/1997 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh N và ông Huỳnh Ngọc S có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 và Huỳnh Ngọc N (nam), sinh ngày: 14/5/2008. Bà Huỳnh Thị Ánh N được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Ngọc N; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Ngọc S cho đến khi bà Huỳnh Thị Ánh N có yêu cầu. Riêng Huỳnh Ngọc T (nam), sinh ngày: 01/10/1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Huỳnh Ngọc S có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông S đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà N và ông S đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0079392 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định

